

I- TIẾN HOÁ CỦA GIỚI ĐỘNG VẬT

■ Động vật hiện nay được biết khoảng 1,5 triệu loài. Trong quá trình tiến hoá, động vật tiến hoá từ chỗ cơ thể chỉ gồm một tế bào (động vật đơn bào như trùng roi, trùng biến hình) đến động vật có cơ thể gồm nhiều tế bào (động vật đa bào). Từ động vật đa bào có đời sống cố định, sống bám hoặc di động rất kém, cơ thể cấu tạo đối xứng toả tròn (thủy tức, hải quỳ, san hô...) đến động vật có đời sống di động, linh hoạt, cơ thể đối xứng hai bên. Động vật, từ chỗ không có bộ phận bảo vệ, nâng đỡ cơ thể như các loài giun đến chỗ cơ thể có vỏ đá vôi bên ngoài ở thân mềm, bộ xương ngoài bằng kitin hoặc có bộ xương trong như Động vật có xương sống.

▼ Đọc bảng 1, lựa chọn tên ngành động vật và tên đại diện điền vào ô trống của bảng sao cho phù hợp với những đặc điểm của ngành :

Đặc điểm của từng ngành cần tham khảo cho việc lựa chọn :

1. Cơ thể đa bào, đối xứng toả tròn, có hai lớp tế bào.
2. Cơ thể đa bào, đối xứng hai bên, có bộ xương ngoài bằng chất kitin, thường phân đốt và có chân phân đốt.
3. Cơ thể đơn bào.
4. Cơ thể đa bào, đối xứng hai bên, có vỏ đá vôi.
5. Cơ thể đa bào, mềm, đối xứng hai bên, dẹp không phân đốt, hoặc kéo dài phân đốt hay không phân đốt.
6. Cơ thể đa bào, đối xứng hai bên có bộ xương trong với cột sống.

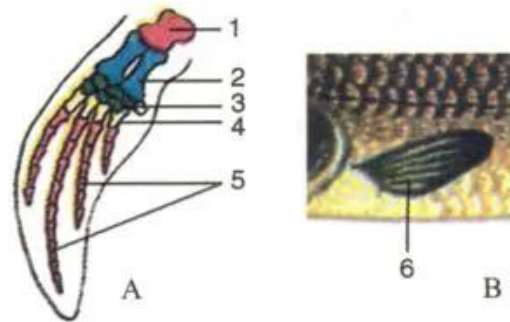
Bảng 1. Sự tiến hoá của giới Động vật

Đặc điểm	Cơ thể đơn bào	Cơ thể đa bào				
		Đối xứng toả tròn	Đối xứng hai bên			
			Cơ thể mềm	Cơ thể mềm có vỏ đá vôi	Cơ thể có bộ xương ngoài bằng kitin	Cơ thể có bộ xương trong
Ngành						
Đại diện						

Những cụm từ lựa chọn :
 Tên ngành : 1. Động vật có xương sống ; 2. Chân khớp ; 3. Thân mềm ; 4. Các ngành giun ; 5. Ruột khoang ; 6. Động vật nguyên sinh. Tên đại diện : Học sinh tự tìm tên đại diện cho mỗi ngành để điền.

II - SỰ THÍCH NGHI THỨ SINH

■ Có những loài động vật có xương sống sau khi đã chuyển lên môi trường cạn và đã thích nghi với môi trường này, song con cháu của chúng lại đi tìm nguồn sống ở trong môi trường nước. Chúng trở lại sống và có cấu tạo thích nghi với môi trường nước. Đó chính là hiện tượng thích nghi thứ sinh. Ví dụ cá voi tuy sống hoàn toàn trong nước như cá, nhưng không có quan hệ huyết thống gần với các lớp Cá (sống trong nước), cá voi thuộc lớp Thú và đã có cấu tạo thích nghi thứ sinh với môi trường nước (hình 63).



Hình 63. So sánh cấu tạo thích nghi thứ sinh của vây cá voi (A) và vây ngực của cá (B)

1. Xương cánh tay ; 2. Xương ống tay ;
3. Xương cổ tay ; 4. Xương bàn tay ;
5. Xương ngón tay ; 6. Các tia vây xương.

▼ Hãy cho biết trong lớp Bò sát và lớp Chim đã có những trường hợp cụ thể nào thể hiện sự thích nghi thứ sinh trở lại môi trường nước.

III - TẦM QUAN TRỌNG THỰC TIỄN CỦA ĐỘNG VẬT

▼ Thảo luận điền tên động vật có tầm quan trọng thực tiễn vào ô trống của bảng 2.

Bảng 2. Những Động vật có tầm quan trọng thực tiễn

STT	Tầm quan trọng thực tiễn	Tên động vật	
		Động vật không xương sống	Động vật có xương sống
1. Động vật có ích	Thực phẩm (vật nuôi, đặc sản)		
	Dược liệu		
	Công nghệ (vật dụng, mỹ nghệ, hương liệu...)		
	Nông nghiệp		
	Làm cảnh		
	Vai trò trong tự nhiên		
2. Động vật có hại	Đối với nông nghiệp		
	Đối với đời sống con người		
	Đối với sức khoẻ con người		